

Appeton Multivitamin Lysine Syrup

ПІПЕТОН ЛІСІНУ СІРОВА
ЛІСІНУ СІРОВА

- **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**
- **Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.**
- **Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**

THÀNH PHẦN:

Hoạt chất:	ĐVT:	Mỗi chai 120ml chứa:	Mỗi chai 60 ml chứa:	Mỗi 5ml chứa:
L-Lysine HCL	mg	2.400	1.200	100
Vitamin A	IU	120.000	60.000	5.000
Vitamin D3	IU	9.600	4.800	400
Vitamin E	IU	240	120	10
Vitamin B1	mg	48	24	2
Vitamin B2	mg	24	12	1
Vitamin B6	mg	24	12	1
Nicotinamide	mg	480	240	20
Vitamin C	mg	720	360	30
D-Panthenol	mg	240	120	10

Tá dược:

Đường tinh luyện, Methylparaben, Glycerin, Propylene glycol, Cremophor RH 40, Pineapple flavour, Orange oil, Tangerine flavour, Sodium saccharin, Sorbitol, Nước tinh khiết.

MÔ TẢ:

Chai thủy tinh màu hổ phách 60ml, 120ml để trong hộp carton với tờ hướng dẫn sử dụng.

TÁC DỤNG:

Appeton Multivitamin Lysine Syrup là một chế phẩm bổ sung dinh dưỡng cho lứa tuổi đang phát triển. Thuốc chứa vitamin B1, B2, B6 cần cho quá trình chuyển hóa bình thường các chất đạm, chất béo và chất bột đường. Sự hiện diện vitamin C giúp duy trì sức khỏe của răng và lợi. Vitamin A và D3 tan trong chất béo đảm bảo duy trì đủ mức canxi trong dịch cơ thể. Vitamin D3 đảm bảo tăng trưởng xương và răng khỏe mạnh. Vitamin E đảm bảo chức năng hoạt động của tế bào. Nicotinamide giúp cho da và hệ thần kinh hoạt động bình thường. L-Lysine cải thiện sức khỏe và giúp tăng trưởng.

CHỈ ĐỊNH:

Giúp trẻ ăn ngon miệng, bồi bổ sức khỏe cho thời kỳ tăng trưởng, giúp trẻ phát triển chiều cao và cân nặng.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Trừ khi có chỉ định khác của bác sĩ, liều dùng mỗi ngày một lần như sau:

Trẻ em dưới 4 tuổi: 2,5ml mỗi ngày

Trẻ em trên 4 tuổi và người lớn: 5ml mỗi ngày.

Appeton Multivitamin Lysine Syrup có thể nhỏ trực tiếp vào lưỡi hoặc pha với sữa, nước trái cây hoặc thức ăn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Dị ứng với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

PHẢN ỨNG KHÔNG MONG MUỐN:

Thuốc được dung nạp tốt. Không có tác dụng phụ nếu sử dụng đúng theo liều hướng dẫn.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Có thể xảy ra tương tác với một trong các thành phần của thuốc.

Tương tác với vitamin A: Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Vitamin A dùng với isotretinoin có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều. Cần tránh dùng chung hai thuốc trên và tránh dùng vitamin A liều cao.

Tương tác với vitamin D: Không nên dùng vitamin D với cholestyramin hoặc colestipol hydrochlorid, vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột. Sử dụng dầu khoáng quá mức cũng có thể cản trở hấp thu vitamin D. Điều trị vitamin D với thuốc lợi tiểu thiazid cho những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết. Trong trường hợp này cần phải giảm liều vitamin D hoặc ngừng dùng vitamin D tạm thời. Không nên dùng vitamin D với phenobarbital và/hoặc phenytoin (và có thể với những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25 - hydroxyergocalciferol và 25 - hydroxy - cholecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hóa vitamin D thành những chất không có hoạt tính. Không nên dùng vitamin D với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

Tương tác với Vitamin B2: Probenecid có thể gây giảm hấp thu vitamin B2 ở ruột và làm tăng bài tiết trong nước tiểu.

Tương tác với Nicotinamid: Sử dụng nicotinamid với chất ức chế men khử HMG-CoA có thể làm tăng nguy cơ tiêu cơ vân. Sử dụng nicotinamid với thuốc chẹn alpha - adrenergic trị tăng huyết áp, có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức. Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với nicotinamid. Dùng nicotinamid với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan. Không nên dùng nicotinamid với carbamazepin (thuốc chống động kinh như Tegretol) vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến độc tính.

Tương tác với vitamin C: Dùng theo tỉ lệ trên 200mg

vitamin C với 30mg sắt nguyên tố làm tăng hấp thu sắt qua đường dạ dày- ruột, tuy vậy, đa số người bệnh đều có khả năng hấp thu sắt uống vào một cách đầy đủ mà không phải dùng đồng thời với vitamin C. Dùng vitamin C với aspirin làm tăng bài tiết vitamin C và giảm bài tiết aspirin trong nước tiểu. Dùng vitamin C với fluphenazin dẫn đến giảm nồng độ fluphenazin huyết tương. Sự acid hoá nước tiểu sau khi dùng vitamin C có thể làm thay đổi sự bài tiết của các thuốc khác. Vitamin C liều cao có thể phá huỷ vitamin B12; cần khuyến người bệnh tránh uống vitamin C liều cao trong vòng 1 giờ trước hoặc sau khi uống vitamin B12. Vitamin C là một chất khử mạnh, nên ảnh hưởng đến nhiều xét nghiệm dựa trên phản ứng oxy hoá - khử. Sự có mặt của vitamin C trong nước tiểu làm tăng giả tạo lượng glucose nếu định lượng bằng thuốc thử đồng (II) sulfat và giảm giả tạo lượng glucose nếu định lượng bằng phương pháp glucose oxidase. Với các xét nghiệm khác, cần phải tham khảo tài liệu chuyên biệt về ảnh hưởng của vitamin C.

Các tương tác có thể xảy ra với vitamin E, vitamin B1, vitamin B6 không có ý nghĩa lâm sàng. Chưa được biết các tương tác có thể có đối với D-panthenol.

THẬN TRỌNG:

1. Phải tính đến các vitamin từ những nguồn khác nếu sử dụng cùng với thuốc này.
2. Ngưng sử dụng thuốc và tham vấn ý kiến của bác sĩ hoặc dược sĩ trong các trường hợp sau:
 - Có những triệu chứng bất thường khi dùng thuốc.
 - Những triệu chứng không được cải thiện sau khi dùng thuốc 1 tháng.
3. Khi dùng thuốc cho trẻ em phải có người theo dõi.
4. **Thận trọng khi bảo quản và dùng thuốc:**
 - Để thuốc xa tầm tay trẻ em.
 - Không dùng thuốc quá hạn in trên bao bì.
 - Tránh ánh sáng trực tiếp và bảo quản nơi kín và mát.
 - Không bảo quản trong bao bì khác để bảo quản chất lượng và tránh dùng nhầm.

TRÌNH BÀY:

Hộp chứa 01 chai 60 ml và Hộp chứa 01 chai 120 ml

BẢO QUẢN:

Đóng chặt nắp chai. Bảo quản dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG:

24 tháng kể từ ngày sản xuất. 1 tháng kể từ ngày mở nắp.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Nhà sản xuất